

VAI TRÒ CỦA *CHÍ MỜ* TRONG HÔN NHÂN TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI MƯỜNG Ở HOÀ BÌNH

NGUYỄN THỊ SONG HÀ

1. Đặt vấn đề

Hôn nhân là một lĩnh vực quan trọng trong đời sống văn hoá - xã hội của mỗi dân tộc. Nó được hiểu là mối quan hệ gắn bó giữa một người đàn ông và một người đàn bà, nhằm mục đích duy trì nòi giống, được cộng đồng và xã hội thừa nhận. Hôn nhân luôn gắn liền với nhiều nghi lễ, phong tục tập quán và tùy theo từng dân tộc mà nó chứa đựng những sắc thái riêng. Vì thế, lĩnh vực hôn nhân đã thu hút nhiều nhà khoa học trên thế giới cũng như ở Việt Nam quan tâm nghiên cứu như: Ăng-ghen (1984), Schultz và Lavenda (2001), Barfield (1997), Mai Văn Hai (2003)... Bên cạnh đó, vấn đề hôn nhân, đặc biệt là hôn nhân của các dân tộc thiểu số (DTTS) luôn được các nhà Dân tộc học/Nhân học chú ý như Vũ Đình Lợi (1994), Phạm Quang Hoan (1992), Nguyễn Ngọc Thanh (1992), Đỗ Thúy Bình (1994), Đỗ Ngọc Tân (chủ biên) (2004)... Những nghiên cứu này chủ yếu tập trung nghiên cứu lý thuyết hôn nhân, nguồn gốc, nguyên tắc của hôn nhân ngoại tộc, thể chế xã hội của hôn nhân, cũng như các vấn đề trong hôn nhân truyền thống của các dân tộc thiểu số nước ta.

Hôn nhân của dân tộc Mường cũng đã được một số học giả trong và ngoài nước đề cập đến, điển hình là Jean Cuisinier

(1996), Nguyễn Ngọc Thanh (1995, 2005), Bùi Tuyết Mai và Vũ Đức Tân (1999), Dương Hà Hiếu (2002), Nguyễn Thị Song Hà (2006), Hoàng Hữu Bình (chủ biên) (2009)... Đây là những công trình nghiên cứu mà các tác giả chủ yếu mô tả nghi lễ hôn nhân truyền thống của dân tộc Mường, được coi là nguồn tư liệu phong phú và quý giá. Tuy nhiên, trong tất cả các nghiên cứu trên vẫn chưa có một tác giả nào đi sâu nghiên cứu về *chí mờ*, một nhân vật đặc biệt quan trọng không thể thiếu trong nghi thức hôn nhân truyền thống của người Mường. Chính vì vậy, ở bài viết này, chúng tôi muốn làm sáng rõ vai trò của *chí mờ* trong hôn nhân truyền thống của người Mường cũng như sự biến đổi của nó trong thời kỳ Đổi mới.

2. Sơ lược về địa bàn nghiên cứu

Hòa Bình là một tỉnh miền núi nằm ở cửa ngõ vùng Tây Bắc của Tổ quốc, có vị trí quan trọng của vùng, là địa bàn chuyển tiếp từ đồng bằng lên miền núi, chịu nhiều ảnh hưởng kinh tế, văn hoá, xã hội của vùng Trung tâm lớn - Thủ đô Hà Nội. Tỉnh Hòa Bình có diện tích tự nhiên là 4.606 km² với 11 đơn vị hành chính (1 thành phố và 10 huyện), có 210 xã, phường và thị trấn. Dân số toàn tỉnh hiện nay là 815.462 người (Cục Thống kê Hòa Bình, 2009, tr. 19) với 6 dân tộc chính là Mường, Kinh, Thái, Tày, Dao,

Hmông, trong đó người Mường chiếm 63,33%, cư trú tập trung chủ yếu tại các huyện Kim Bôi, Lạc Sơn, Tân Lạc, Lương Sơn, Yên Thủy, Cao Phong và Kỳ Sơn. Hòa Bình có khí hậu nhiệt đới gió mùa; mùa đông lạnh, có sương muối và ít mưa; mùa hè nóng, có gió phơn và nhiều mưa hơn [Khổng Diễn (Chủ biên), 2001, tr. 13].

Với diện tích đất nông nghiệp là 57.609 ha (2008), trồng trọt vẫn được coi là ngành kinh tế cơ bản của tỉnh, với giá trị sản xuất đạt tới 2.495.525 triệu đồng, trong đó cây lúa vẫn chiếm ưu thế về diện tích và sản lượng.

Ngành chăn nuôi chủ yếu phát triển theo hình thức kinh tế hộ gia đình với quy mô nhỏ. Các loại gia súc được nuôi chủ yếu là trâu, bò và lợn. Năm 2008, lĩnh vực chăn nuôi của tỉnh đã đạt 874.514 triệu đồng.

Lâm nghiệp là ngành kinh tế quan trọng, song do việc khai thác rừng chưa hợp lý nên nguồn tài nguyên ngày càng cạn kiệt. Theo số liệu của Cục Thống kê Hòa Bình năm 2008, diện tích đất lâm nghiệp có 250.199 ha, trong đó diện tích rừng tự nhiên là 160.378 ha, rừng trồng là 89.821 ha.

Dịch vụ, thương mại và du lịch trong những năm gần đây ngày càng phát triển ở tỉnh Hòa Bình. Với 16.209 cơ sở sản xuất kinh doanh thương mại, du lịch đã góp phần giải quyết công ăn việc làm cho hàng nghìn lao động, đồng thời tạo ra hành lang lưu thông hàng hóa từ thành thị đến nông thôn, từ vùng thấp đến vùng cao giữa các huyện, thị trấn của tỉnh với nhau và với bên ngoài.

Về giáo dục, năm học 2008 - 2009, toàn tỉnh Hòa Bình có 690 trường học với 7.909 lớp học, trong đó đội ngũ giáo viên có

13.013 người đã phần nào đáp ứng được nhu cầu học tập của con em đồng bào các DTTS nơi đây. Theo báo cáo của Ban Dân tộc tỉnh Hòa Bình năm 2009, có 98,6% trẻ em trong độ tuổi được đến trường, 100% xã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, 66/69 xã hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở...

Về hệ thống y tế, hiện nay tỉnh Hòa Bình có 3 bệnh viện tỉnh, 11 bệnh viện huyện, 22 phòng khám đa khoa khu vực, 210 trạm y tế xã phường, 2.350 giường bệnh, 2.264 y tá, bác sĩ và hộ sinh. Chính vì vậy, tình hình chăm sóc sức khỏe cho người dân ngày càng được nâng cao; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng hiện nay rất thấp; tỷ lệ tử vong của bà mẹ và trẻ em gần như không còn do các sản phụ hầu như đều đến đẻ tại các cơ sở y tế...

3. Vai trò của *chí mờ* trong hôn nhân truyền thống

3.1. *Chí mờ* là gì?

Theo tiếng Mường cổ, *chí* vừa là danh từ, vừa là đại từ nhân xưng được sử dụng với ý nghĩa chỉ người ngoài dòng tộc, ngoài huyết thống trở thành nhân vật quan trọng, thành người thân của gia đình có nhiệm vụ mai mối, se duyên. Từ xa xưa, *chí* được người Mường dùng để gọi trong trường hợp cô dâu mới về nhà chồng, những người đàn ông trong họ tộc cùng vai với chồng nhưng lại nhiều tuổi hơn chồng mình sẽ được cô gọi bằng “anh *Chĩ*” hoặc “bác *Chĩ*”. Trong truyền thuyết của người Mường, từ *chí* đã được đề cập đến ở một số đoạn trong mo Đẻ Đất - Đẻ Nước, chẳng hạn như lúc Lang Tá Cắn nhờ *Chí Mul Mèil Mul Mòong* (con ruồi xanh) lên trời xin lửa cho

con người... Như vậy, ở đây, *chí* được dùng trong phạm vi hẹp để chỉ các mối quan hệ, các đối tượng cần được nhờ vả làm một việc quan trọng.

Mờ, theo nghĩa đen của tiếng Mường dùng để chỉ một loại cây leo mà người Kinh gọi là cây mơ, hay lá mơ. *Mối* với *mờ* là hai từ hoàn toàn khác nhau, song tại sao người Mường không gọi là *chí mối* mà gọi là *chí mờ*? Giải thích điều này, ông Quách Văn Trảng, sinh năm 1933, xóm Rộc, xã Ngọc Sơn, huyện Lạc Sơn nói: “*Dây mờ* là thứ rau người Mường rất thích ăn và trồng khá nhiều trong vườn nhà. *Dây mờ* thuộc họ cây leo, phát triển rất nhanh. Nó có thể thôn tính, sở hữu các bụi cây khác để làm thành giá đỡ cho nó phát triển. Hình tượng này giống như trong hôn nhân của con người, khi mà hai người xa lạ, không cùng huyết thống, không cùng xóm, cùng mường, thậm chí khác nhau về văn hóa, lại có thể dựa vào nhau để chung sống và sở hữu lẫn nhau. Vì thế, *chí mờ* được người Mường sử dụng làm tên gọi của người làm mai mối”.

3.2. Tiêu chuẩn làm *chí mờ*

Khi muốn nhờ một người là *chí mờ* đi hỏi vợ cho con trai mình, người Mường thường lựa chọn rất cẩn thận. *Chí mờ* có thể là đàn ông hoặc đàn bà. Điều này không quan trọng song người ta thường tìm những người cùng sinh sống trong xóm hoặc trong mường với mình bởi đây là cơ sở để gia đình nhà trai hiểu rõ gia cảnh, thân thế và tính tình của người được chọn làm *chí mờ*. Một số nơi như ở huyện Đà Bắc (tỉnh Hòa Bình), *chí mờ* thường là đàn ông. Người đàn ông này phải là người lớn tuổi, là chủ gia đình và đã có con. Ngược lại ở Lạc Sơn, gia đình

người con trai lại giao nhiệm vụ tiến hành các lễ sơ bộ cho một người đàn bà. Người Mường ở Kim Bôi, Tân Lạc, *chí mờ* không phân biệt là nam hay nữ, song người ta lại thích nhờ những người có tuổi, có vai vế trong xóm, mường để làm việc này.

Tuy nhiên, ở tất cả các vùng Mường Hòa Bình, người được chọn làm *chí mờ* phải hội tụ đầy đủ các điều kiện sau đây: Ngoại hình bình thường, không đui què, mé sứt; phải am hiểu phong tục, tập quán, khéo ăn khéo nói, có tài ứng đáp và thuyết phục người khác, có uy tín và được nhiều người kính nể. Gia đình người làm mối phải hòa thuận, hạnh phúc, đông con nhiều cháu, có đủ bề trai gái. Người làm mối phải còn đầy đủ cả vợ lẫn chồng, không được góa bụa. Những người cò cao ba, bốn ngón cũng không được chọn để làm mối bởi theo quan niệm của người Mường những người ấy có căn cao, số nặng nên nếu họ đi làm mai mối thì sẽ không thành công hoặc khiến đôi vợ chồng trẻ sau này sống không hạnh phúc. Với những người đã làm mối cho các cặp vợ chồng nếu đã có trường hợp đôi vợ chồng ấy bỏ nhau thì sẽ không bao giờ được ai nhờ làm mối nữa...

Không phải ngẫu nhiên mà người Mường có những tiêu chuẩn như vậy khi chọn *chí mờ* mà thông qua việc lựa chọn ấy, người Mường luôn mong muốn, khát khao cho cuộc sống hôn nhân của con cháu mình được tốt đẹp giống như *chí mờ*. Vì thế, xưa kia nhiều đôi trai gái đã thương yêu nhau, nhưng khi gia đình nhà trai tìm *chí mờ* đến thương thuyết với nhà gái đã bị từ chối và đôi bạn trẻ đã không thể đến được với nhau. Ông Bùi Văn Sinh, sinh năm 1930, ở xóm Vó Khang, xã Kim Tiên, huyện Kim Bôi kể

lại rằng: Vào khoảng những năm 1960, sự việc xảy ra ở gia đình ông. Ông có một người em gái yêu một chàng trai cùng Mường. Gia đình nhà trai đã nhờ một người cùng chung Mường đến để ướm hỏi nhưng đã bị gia đình nhà ông, cụ thể là bố mẹ ông khéo léo từ chối bởi *chí mờ* mà nhà trai cử đến là người chỉ có con gái (4 người) mà không có con trai. Bên cạnh đó, bản thân ông ta là người không có uy tín trong cộng đồng, lại là người lười lao động... Vì thế gia đình nhà ông đã không gả em gái ông cho chàng trai bởi sợ rằng cuộc sống của cô sau này sẽ không tốt đẹp giống như *chí mờ*. Như vậy, có thể thấy rằng *chí mờ* chiếm vị trí đặc biệt quan trọng trong hôn nhân, đảm bảo sự thành công hay thất bại trong quá trình đi hỏi vợ của bên gia đình nhà trai. Vì thế, người Mường luôn có tiêu chuẩn khắt khe trong việc lựa chọn người làm *chí mờ*.

3.3. Công việc do *chí mờ* đảm nhận

Chí mờ đóng một vai trò khá quan trọng và đảm nhận những công việc chính trong suốt quá trình đi hỏi vợ của bên gia đình nhà trai. Trong hôn nhân của người Mường, chỉ gia đình nhà trai mới có quyền tìm chọn *chí mờ* và giao trọng trách thiêng liêng, se duyên để trai gái tiến đến hôn nhân, thành vợ thành chồng. Trong truyền thống, để có thể hỏi được vợ, người Mường phải trải qua nhiều bước với nhiều nghi lễ khác nhau như: *đi lăm thiếng, đi kháo thiếng, đi phong thiếng, cách cưa, hẹn ngày, ti cháu*. Người làm *chí mờ* được coi là đại diện của nhà trai, thay mặt bố mẹ chàng trai đến tiếp kiến, bàn bạc và thống nhất cách thức tiến hành hôn lễ cho đôi trai gái. Mọi việc từ lúc bắt đầu đi thăm dò, ướm hỏi, vận động bên nhà gái cho đến tiến tới hôn nhân, mọi việc

nhà trai, nhà gái đều phó thác và trao đổi với nhau thông qua *chí mờ*.

Chúng ta cũng biết, *cách cưa* là một trong những nghi thức đặc biệt không thể thiếu trong hôn nhân của người Mường xưa bởi họ cho rằng việc thách cưới coi như lễ của nhà trai để đền đáp, tỏ lòng cảm ơn gia đình nhà gái đã nuôi nấng, dạy dỗ cô gái khôn lớn, giỏi giang, có khả năng đảm nhiệm tốt công việc của nhà chồng đồng thời giúp nhà gái một phần kinh tế chuẩn bị cỗ bàn cho ngày cưới. Song nhiều khi lạm dụng, nhà gái thách cưới lớn, đòi hỏi quá thực tế của nhà trai. Chính vì thế, sự thành bại lúc này đều dựa vào khả năng ăn nói và thương thuyết của *chí mờ* sao cho phù hợp với điều kiện của nhà trai. Do vậy, nếu không có *chí mờ*, đám cưới của người Mường sẽ không được diễn ra.

Dân gian Mường đã có những câu thơ đề cập đến vai trò của *chí mờ* như:

Gặp nhau giữa quãng đồng này

Ông tơ đi vắng, mẹ thầy ở xa

Lấy ai lo liệu cửa nhà

Lấy ai sắp đặt cho ta lấy mình

Hay như:

Khôn môm như con chim Khách

Ngọt tiếng, ngọt lời như con chim Wòa

Rồi:

Người đi bắc cầu Lim cột Đá...

Trong xã hội xưa kia, *chí mờ* rất quan trọng trong hôn nhân, nhất là đối với tầng lớp lang đạo, quý tộc. Họ cho rằng hôn nhân là cơ sở, công cụ và phương tiện để mở rộng phạm vi ảnh hưởng, thôn tính đất đai.

Hôn nhân cũng là khối liên minh để củng cố, mở mang quyền lực và lợi ích cho mình. Với tầng lớp dân thường, hôn nhân chủ yếu là để con cái có vợ, có chồng, sinh con đẻ cái, thêm nguồn nhân lực lao động cho gia đình và sau này cha mẹ có chỗ cậy nhờ... Hôn thế nữa, môi trường địa lý xưa kia của người Mường khá hiểm trở, khó khăn trong việc đi lại, đồng thời bản chất của người Mường vốn tự ti, e dè và sống khép kín... nên trong tập quán xưa, không biết từ bao giờ đã hình thành nên nhân vật *chí mờ* trong đám cưới của người Mường.

Đối với những gia đình sống cùng mường hoặc các mường lân cận thì công việc của *chí mờ* tương đối thuận lợi, song với những gia đình ở xa nhau về mặt địa lý, hai bên gia đình chưa biết mặt nhau thì vai trò của *chí mờ* lại càng nặng nề. Việc đi hỏi vợ không đơn thuần chỉ là hỏi một cô gái về làm vợ một chàng trai, làm dâu một gia đình mà *chí mờ* phải đương đầu với bố mẹ, anh chị em và thậm chí cả dòng tộc nhà cô gái. Nếu như *chí mờ* tạo được sự tin cậy, khéo ăn nói và có tài thuyết phục, có uy tín và có chức vị thì sẽ nhanh chóng được nhà gái nể phục, tin tưởng và chấp thuận bởi tư cách, đạo đức của *chí mờ* là cơ sở để bố mẹ cô gái tin tưởng là đã gả con gái mình vào một gia đình tốt. Vì thế, khi bố mẹ cô gái đã thuận thì mọi việc coi như đã thành công. Lúc này bố mẹ cô gái chỉ tiếp xúc và chuyển lời của trưởng họ nhà gái đến bố mẹ chàng trai thông qua *chí mờ*. Giả sử cô gái không thuận tình thì bố mẹ cô ta sẽ thuyết phục, ép buộc cô phải đồng ý. Chính vì lý do này mà trong xã hội Mường xưa tệ ép duyên cũng khá phổ biến. Nhiều gia đình đã ép con gái mình phải lấy chồng khi mới 9 - 10 tuổi. Tình trạng kết

hôn sớm như vậy cũng có một phần do xúc tác của *chí mờ* cùng với sự nóng vội, ham hố vật chất của bố mẹ đôi bên.

Về cơ bản, *chí mờ* thường là những người có tư cách đạo đức tốt, song cũng không ít người vì lòng tham đã thông đồng với gia đình nhà trai, nhà gái ra sức lèo lái, tô vẽ chàng trai vốn là người thiếu năng trí tuệ, đui mù hay dị tật, hay cô gái vốn là người lười biếng, bệnh tật, đàn hanh... để thuyết phục nhà gái, nhà trai... và chỉ đến khi về chung sống với nhau họ mới biết mình bị lừa. Qua đó, chúng ta thấy rằng nhiều cuộc hôn nhân của người Mường đã hoàn toàn phớ thác cho *chí mờ*. Cũng chính vì thế, trong những cuộc hôn nhân gán ghép sai lệch, có tính lừa dối thì người làm *chí mờ* thường bị tiếng xấu rất nhiều.

Có thể nói, công việc của *chí mờ* bắt đầu từ khi nhà trai nhờ điướm hỏi, qua nhiều bước mới đi đến đám cưới, quá trình này nhiều khi kéo dài từ 2 đến 3 năm sau nếu như đôi bên gia đình chưa tổ chức đám cưới. Đến ngày tổ chức đám cưới, *chí mờ* phải dẫn đầu đoàn đi rể và chức sắc họ nhà trai sang nhà gái đón dâu, rồi lại dẫn đoàn đưa dâu về nhà trai. Trên đường đi *chí mờ* phải là người biết tránh và không được vi phạm những quy định khắt khe trong nghi lễ. Sau khi cô dâu về đến nhà trai và nhà trai thực hiện xong lễ cúng gia tiên, cô dâu ra mắt trước bàn thờ tổ tiên, mâm cơm dành cho *chí mờ* được dọn lên cũng là lúc *chí mờ* hoàn thành trọng trách của mình.

Tuy nhiên chúng ta cũng có thể khẳng định, nhờ có vai trò của *chí mờ* mà hôn nhân xưa kia của người Mường ít có sự đổ vỡ, rạn nứt. Điều đó có được là bởi *chí*

mờ đóng vai trò xuyên suốt các nghi lễ đã tạo nên sự tôn trọng, sự thông cảm và dần hiểu, đi đến quý mến nhau của hai bên gia đình, đôi nam nữ, từ đó làm cho hai vợ chồng sống có trách nhiệm với nhau và với hai bên gia đình nội ngoại, *chí mờ*, họ hàng... Đây được coi là sự đóng góp to lớn của *chí mờ* đối với cuộc sống hôn nhân của đôi bạn trẻ và đối với cộng đồng, xã hội.

3.4. Trả công *chí mờ*

Chính vì vai trò quan trọng của *chí mờ* trong đám cưới nên người Mường dành một tình cảm ưu ái, tôn trọng đối với *chí mờ*. Thông thường sau khi công việc hoàn thành, *chí mờ* được cả hai bên gia đình nhà trai, nhà gái cảm ơn vì nhờ *chí mờ* mà con cái họ đã nên vợ nên chồng. Theo phong tục của người Mường, việc cảm ơn *chí mờ* cũng có quy định cụ thể và khá khắt khe không phải muốn làm thế nào cũng được.

3.4.1. Bên nhà gái trả công *chí mờ*

Để cảm ơn công lao của *chí mờ*, trước khi đưa dâu về nhà chồng, nhà gái dọn 2 mâm cơm gọi là mâm *khám* và mâm *ăn*. Hai mâm này gồm có thịt, rượu, cơm nếp được bày trên lá chuối. Số lượng thịt ở mâm này được xếp theo hình nón, dưới chân có 5 lớp thịt mỡ xếp chồng lên nhau, bên trong là gan, lòng, dồi lợn... được đặt ở dưới cửa sổ bên gian buồng ngoài nhà sàn, mà không được tùy tiện dọn ở nơi khác. Khi đã đầy đủ các thành phần gồm *chí mờ*, trưởng họ nhà gái, chủ nhà, bác ruột, chú ruột cô dâu, anh trai cả hoặc em rể cô dâu, 3 đại diện cho 3 *cụ mọng* quanh mâm ăn, trưởng họ nhà gái cho kiểm tra mâm *khám*, trong đó có thêm *bá loại*, tức xương bả lợn

có thịt bằm xung quanh đã được luộc chín. Tất cả được gói vào tàu lá chuối, kèm theo một gói cơm nếp, 1 chai rượu trắng là phần *chí mờ* mang về nhà.

3.4.2. Bên nhà trai trả công *chí mờ*

Khi đoàn đưa dâu về đến nhà trai, cô dâu đã vào gian buồng, cũng là lúc nhà trai dọn mâm cảm tạ *chí mờ*. Cách thức cảm ơn của nhà trai cũng giống như bên nhà gái, song có khác ở chỗ mâm *khám* gói cho *chí mờ* được gọi là *vác mờ* phải có thêm phần thịt lợn sống (phần thịt ở vai lợn), khoảng 5 - 7 kg chân giò. Tuy nhiên, một vài nơi ở huyện Kim Bôi (như xã Kim Tiến, Thượng Tiến) người ta lại quy định gia đình mổ bao nhiêu lợn thì phải biếu *chí mờ* bấy nhiêu khoanh cổ lợn. Còn ở Ngọc Lâu, huyện Tân Lạc gia đình nhà trai còn phải tặng thêm cho *chí mờ* một con gà trống và hai cái bánh chưng. Trong lúc *chí mờ* cùng ăn với mọi người, gia đình nhà gái phải cử người đem số đồ lễ của cả gia đình nhà trai và nhà gái mang đến tận nhà *chí mờ*.

Sau lễ cưới, *chí mờ* hầu như không còn liên quan đến đời sống của hai vợ chồng trẻ nữa, song theo phong tục của người Mường, việc trả ơn *chí mờ* được tiến hành đều đặn cho đến khi *chí mờ* chết hoặc khi hai vợ chồng “đũa không đủ đôi”. Vào ngày tết Nguyên đán hàng năm, đôi vợ chồng phải mang lễ đến nhà *chí mờ* để chúc tết. Lễ vật gồm 1 chai rượu, 1 gói cơm nếp, 1 gói thịt, 2 chiếc bánh chưng để bày tỏ lòng biết ơn. Vào năm đầu tiên sau khi kết hôn, vào ngày mùng 1 Tết, ngoài các đồ lễ nêu trên, hai vợ chồng đó còn phải biếu *chí mờ* một đôi gỏi truyền thống do tự tay họ làm với ý nghĩa nhờ có *chí mờ* mà họ được nên vợ nên chồng

như cặp gói có đôi. Với những cặp vợ chồng không thể đến thăm *chí mờ* đều đặn do không có điều kiện (như đường sá quá xa xôi...) thì họ phải đi thăm *chí mờ* trong vòng ít nhất 3 năm, sau đó soạn một lễ nhỏ (gồm 4 m vải đỏ, 1 chai rượu, 1 gói thịt, 2 chiếc bánh chưng, một ít tiền) đến biếu và xin *chí mờ* thông cảm.

Khi *chí mờ* chết, đôi vợ chồng phải có tấm áo chùng bằng vải đỏ mang đến làm phần khâm liệm cho *chí mờ* và trong đám tang phải đến phúng viếng, giúp đỡ như con cháu trong gia đình. Khi bố hoặc mẹ vợ là người chết cuối cùng, hai vợ chồng phải có một con lợn hoặc một con bò mang đến nhà ngoại mổ thịt dâng cúng. Khi thầy mo cúng, họ phải bỏ một ít tiền ra chuộc lại một vai thịt bò hoặc lợn đem về nhà luộc chín, gói thành ba gói, số còn lại bày mâm mời *chí mờ* ăn và biếu ba gói thịt đó. Nếu *chí mờ* không còn sống thì con cháu *chí mờ* đến ăn và nhận gói thịt; đây được coi là thủ tục cuối cùng trong việc trả ơn *chí mờ*.

Tuy nhiên, đối với người Mường ở Thanh Sơn, Phú Thọ, người làm mối được đôi vợ chồng trẻ coi như cha mẹ, *sống tết, chết giỗ*. Con cái họ sinh ra cũng phải kính trọng, biết ơn những người đã tác thành cho bố mẹ mình. Khi ông mất, vợ chồng phải có một đầu lợn cúng ông và để tang như con đẻ (Duong Hà Hiếu, 2002, tr. 69). Đây là một điểm khác biệt trong mối quan hệ giữa các đôi vợ chồng với *chí mờ* ở người Mường Hòa Bình với người Mường ở Phú Thọ. Song dù có khác nhau một vài chi tiết nhưng tựu trung trong quan niệm của người Mường, *chí mờ* luôn được các cặp vợ chồng coi trọng và biết ơn.

3.5. Vai trò của *chí mờ* trong hôn nhân ngày nay

Từ khi Luật Hôn nhân và gia đình ra đời năm 1986, đặc biệt là Luật Hôn nhân và gia đình sửa đổi được Quốc hội thông qua gần đây nhất vào ngày 9 tháng 6 năm 2000 và Nghị định số 32/2002/NĐ-CP quy định và khuyến khích các dân tộc phát huy những phong tục tập quán tốt đẹp trong hôn nhân như thực hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng, nam nữ tự do tìm hiểu và tự do lựa chọn bạn đời... cùng với việc kiên quyết loại bỏ những hủ tục lạc hậu, tác động tiêu cực đến đời sống xã hội nói chung và hôn nhân gia đình nói riêng... thì hôn nhân của người Mường được điều chỉnh bằng thiết chế của Luật. Vì vậy, tệ tảo hôn, ép duyên hoàn toàn được loại bỏ. Nam nữ được tự do trong hôn nhân. Hơn nữa, cơ sở hạ tầng, giao thông ngày càng được mở mang nên sự giao lưu giữa các Mường, giữa nam nữ khác thành phần dân tộc không còn bị cách trở, cảm đoán. Đây là điều kiện tốt để nam nữ thanh niên Mường có thể giao lưu, kết bạn và tìm hiểu nhau. Vì thế người Mường ngày nay cũng đã tiếp thu được văn hóa của các dân tộc khác, không còn e dè, tự ti và sống khép kín như xưa.

Phần lớn các cuộc hôn nhân trước khi đi đến đám cưới, nam nữ đều có quá trình và thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, do đó vai trò của *chí mờ* cũng thay đổi. Ngày nay, *chí mờ* vẫn tồn tại trong nhiều cuộc hôn nhân song chỉ đóng vai trò là một người trung gian nổi tiếng qua lại giữa cha mẹ đôi bên, chứ không còn vất vả trong việc thương thuyết như xưa, thậm chí *chí mờ* chỉ mang tính tượng trưng để điều hành một số nghi thức trong đám cưới. Vì thế, tiêu chuẩn của

người làm *chí mờ* cũng không còn tuân thủ nghiêm ngặt như trước. Việc trả công cho *chí mờ* chỉ được thực hiện trong ngày cưới. Đôi vợ chồng được *chí mờ* mai mối không cần phải trả lễ *chí mờ* vào dịp tết Nguyên đán, cũng không còn tục cho áo trong khi chết và chuộc vai bò về trả ơn nữa.

Ngày nay, nam nữ thanh niên Mường tự do quyết định hôn nhân, bố mẹ hai bên chỉ đóng vai trò hỗ trợ về kinh tế, nghi thức... nên đôi khi vai trò *chí mờ* do chính bố đẻ chú rể, chú hoặc bác thân cận trong anh em đảm nhận. Trên thực tế, vai trò của *chí mờ* ngày càng bị lu mờ, không có tác động đến hôn nhân của người Mường, đặc biệt là đối với những trai gái Mường đi thoát ly công tác, học tập. Nhiều trường hợp, sau thời gian tìm hiểu, đôi trai gái chủ động báo cáo với tổ chức, cơ quan và được cơ quan đứng ra lo liệu toàn bộ khâu tổ chức đám cưới mà không cần có *chí mờ*. Hay như có những trường hợp trai, gái người Mường kết hôn với người dân tộc khác, có sự khác nhau về phong tục, tập quán nên đôi bên cha mẹ tự bàn bạc, thống nhất nghi thức đám cưới mà tuyệt nhiên không có vai trò của *chí mờ*.

4. Kết luận

Chí mờ là một nhân vật quan trọng trong nghi lễ hôn nhân xưa kia của người Mường. Nhìn lại giai đoạn lịch sử hôn nhân đã qua, ngoài những mặt hạn chế, tiêu cực thì *chí mờ* đã tỏ rõ được vai trò quan trọng của mình. *Chí mờ* chính là yếu tố chấp nối cuộc sống gia đình cho các đôi trai gái, đồng thời kết nối tình thông gia..., là cơ sở để xây dựng gia đình, sản sinh và duy trì nòi giống.

Tuy nhiên, chúng ta cũng nhận thấy rằng chính điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh lịch

sử, điều kiện xã hội đã sản sinh ra *chí mờ*. *Chí mờ* chỉ phù hợp và phát huy được vai trò của nó trong một giai đoạn lịch sử nhất định - xã hội phong kiến. Ngày nay, những điều kiện về kinh tế - xã hội đã tác động không nhỏ đến hôn nhân của dân tộc Mường. Bên cạnh đó, Luật Hôn nhân và gia đình cũng như các quy định có liên quan đã được thực hiện có hiệu quả và dẫn đến sự thay đổi trong quan niệm, nghi thức hôn nhân của người Mường. Vì vậy, vai trò của *chí mờ* đang dần bị lu mờ, thay đổi sao cho phù hợp với công cuộc phát triển và Đổi mới của đất nước. Tuy nhiên, vấn đề đang đặt ra hiện nay là vai trò của *chí mờ* giảm đi thì việc đổ vỡ trong hôn nhân của người Mường, kèm theo đó là hiện tượng ngoại tình, quan hệ tình dục ngoài hôn nhân cũng có xu hướng tăng lên... Điều này đã tác động không nhỏ đến sự ổn định của cộng đồng và xã hội. Do đó, cần thiết phải có một chính sách cụ thể làm sao vừa loại bỏ được những yếu tố hôn nhân tiêu cực, vừa duy trì và phát huy những tập tục tốt đẹp trong hôn nhân của dân tộc Mường.

Tài liệu tham khảo

1. Ăng-ghen, F. (1972), *Nguồn gốc của gia đình của chế độ tư hữu và của Nhà nước*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
2. Barfiled, Thomas (1997), *Từ điển Nhân học*, Nxb Les Encyclopedies du savoir moderne.
3. Đỗ Thúy Bình (1994), *Hôn nhân và gia đình các dân tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Hoàng Hữu Bình (Chủ biên) (2009), *Văn hóa người Mường, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

5. Cusinier, Jean (1996), *Người Mường - Địa lý Nhân văn và xã hội*, Nxb Lao động.

6. Nguyễn Thị Song Hà (2006), “Hôn lễ của người Mường ở Hòa Bình, truyền thống và biến đổi“, *Kỷ yếu Hội nghị Thông báo Dân tộc học năm 2006*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. Mai Văn Hai (2003), “Về sự biến đổi mô hình phong tục hôn nhân ở châu thổ sông Hồng qua mấy thập niên gần đây“, *Tạp chí Xã hội học*, Số 2, tr. 31-32.

8. Dương Hà Hiếu (2002), “Tục cưới xin của người Mường ở Thanh Sơn, Phú Thọ“, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 69-72.

9. Phạm Quang Hoan (1993), “Vài suy nghĩ về hôn nhân và gia đình của các dân tộc ở nước ta hiện nay“, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 44-45.

10. Bùi Tuyết Mai và Vũ Đức Tân (1999), *Người Mường ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

11. Đỗ Ngọc Tấn (Chủ biên) (2004), *Hôn nhân và gia đình các dân tộc Hmông, Dao ở hai tỉnh Lai Châu và Cao Bằng*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

12. Nguyễn Ngọc Thanh (1995), “Tục lệ cưới xin của người Mường ở huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình“, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, Số 4, tr. 59-64.

13. Nguyễn Ngọc Thanh (2005), *Gia đình và hôn nhân của dân tộc Mường ở tỉnh Phú Thọ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

14. Schultz, Emily A.; Robert H. Lavenda (2001), *Nhân học - Một quan điểm về tình trạng nhân sinh*, Tài liệu dịch, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.



Phụ nữ Mường ở huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Ảnh: Phạm Thị Thu Hà